

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12/3/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 234/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 72/TTr-SNNMT ngày 24/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục các thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục thực hiện giải quyết TTHC đảm bảo liên tục, thông suốt theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 190/2025/QH15

N

của Quốc hội trong thời gian chờ Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, công bố lại các biểu mẫu, quy trình thực hiện TTHC.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sửa đổi, bổ sung các quy trình giải quyết TTHC/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Trường hợp các quy trình không thay đổi về nội dung, chỉ thay đổi mã số TTHC thì lập Danh sách các quy trình giải quyết TTHC/cung cấp dịch vụ công trực tuyến này gửi Sở Khoa học và Công nghệ để điều chỉnh các mã số quy trình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

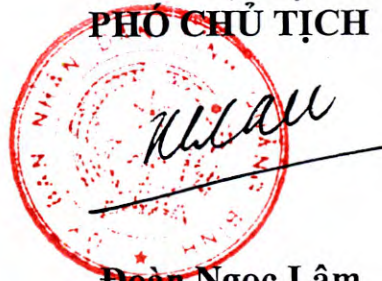
Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử QB;
- Lưu VT, KSTTHC.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Quyết định đã công bố	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí và lệ phí	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
I	TTHC cấp tỉnh						
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản 2.001827.000.00.00.H46	QĐ số 2343/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Chi cục Thủy sản, Biển, Hải Đảo và Kiểm ngư; - Chi cục Chăn nuôi và Thú y; - Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; - Cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở	- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Chi cục Thủy sản, Biển, Hải Đảo và Kiểm ngư; - Chi cục Chăn nuôi và Thú y; - Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; - Cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Thay thế các cụm từ “Chi cục Thủy sản, Chi cục Phát triển nông thôn, Bộ phận một cửa của Sở Nông nghiệp và PTNT” bằng các cụm từ “Chi cục Thủy sản, Biển, Hải Đảo và Kiểm ngư; Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường”

2	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ 2.001838.000.00.00.H46	QĐ số 3639/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản chính Phiếu kiểm soát thu hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”
3	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ 2.001241.000.00.00.H46	QĐ số 3639/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	Ngày sau khi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm soát thu hoạch tại hiện trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thay thế cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”
II TTHC cấp huyện							
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản 2.001827.000.00.00.H46	QĐ số 2917/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở	Phòng Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Thay thế cụm từ “Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Phòng Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện”